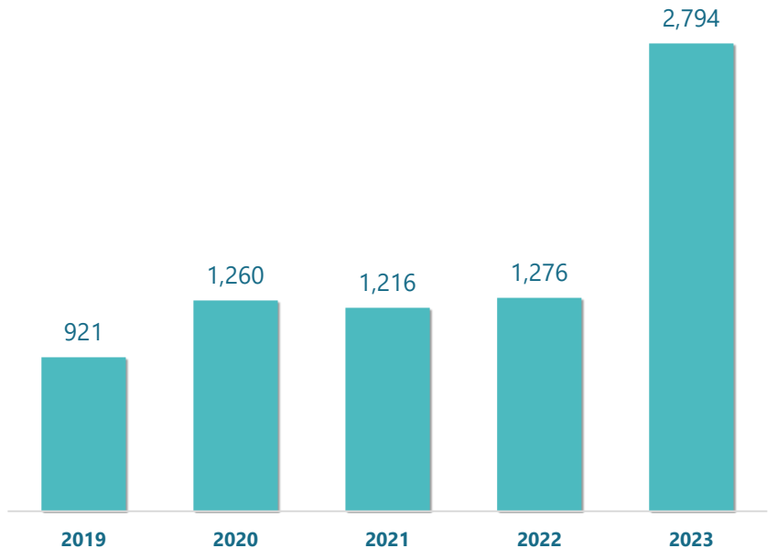
CTCP Than núi Béo - Vinacomin

FireAnt

Ngày 29/12/2023	12,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.0%	**10.0%**	**0%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,526 - 13,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	448
Số lượng CPLH (CP)	36,999,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)	187,255
Sở hữu nước ngoài	3.9%
Beta	0.77
EPS	2,794
P/E	4.3

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

DT thuần

2023

3,221

tỷ VNĐ

YoY: ▼390| -10.8%

LN trước thuế

2023

130

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 69.7| 115%

LN sau thuế

2023

103

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 55.8| 119%

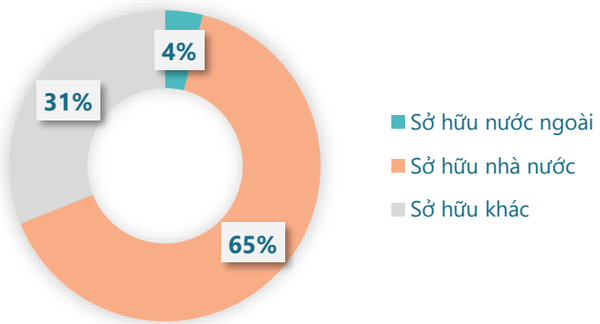
ROE

2023

19.4%

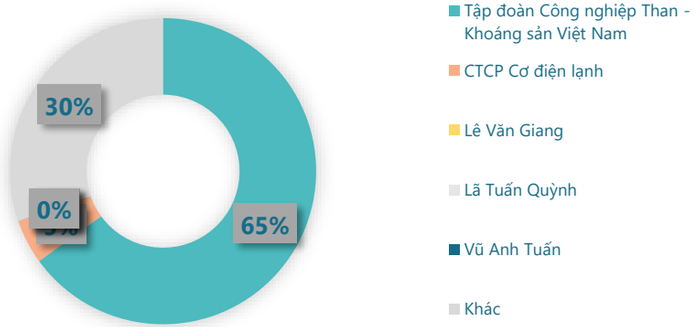
+/- YoY: ▲ 9.7%

Cơ cấu sở hữu



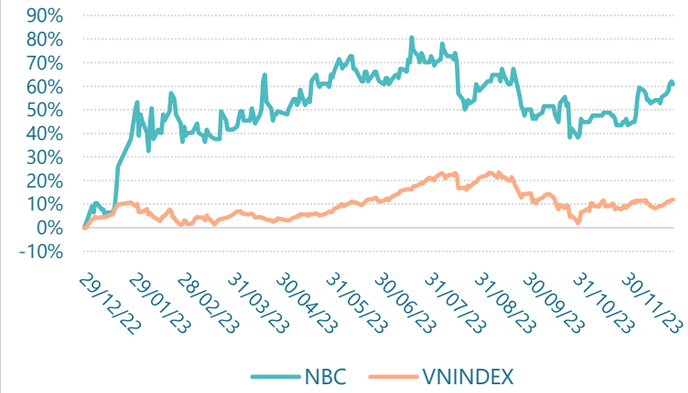
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



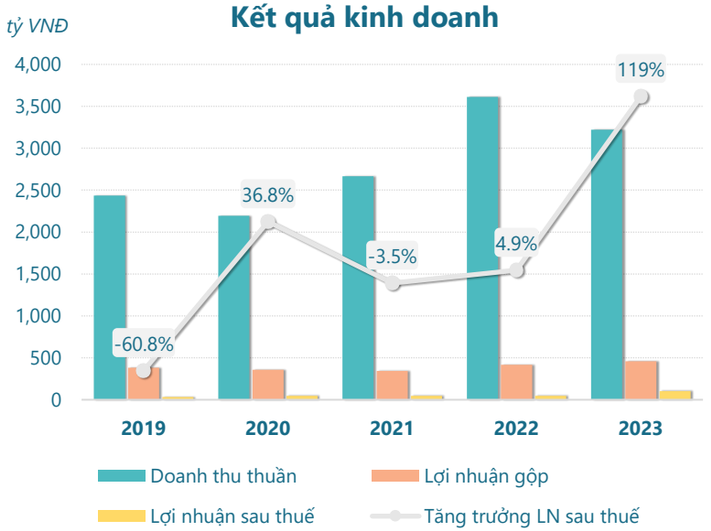
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



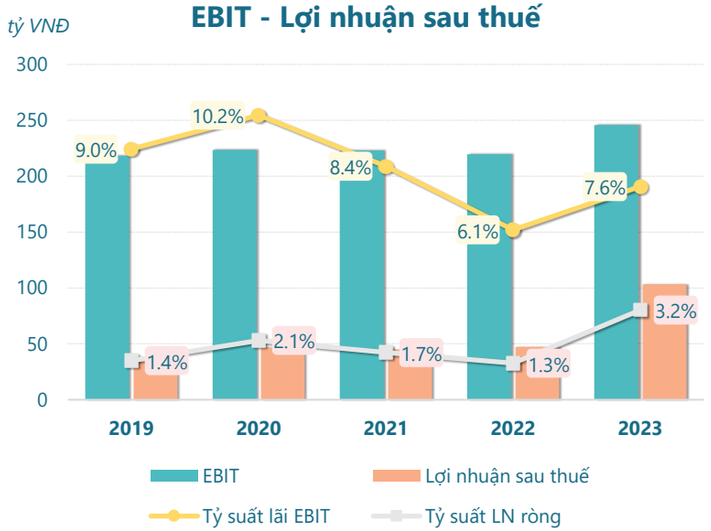
CTCP Than núi Béo - Vinacomin

Kết quả kinh doanh



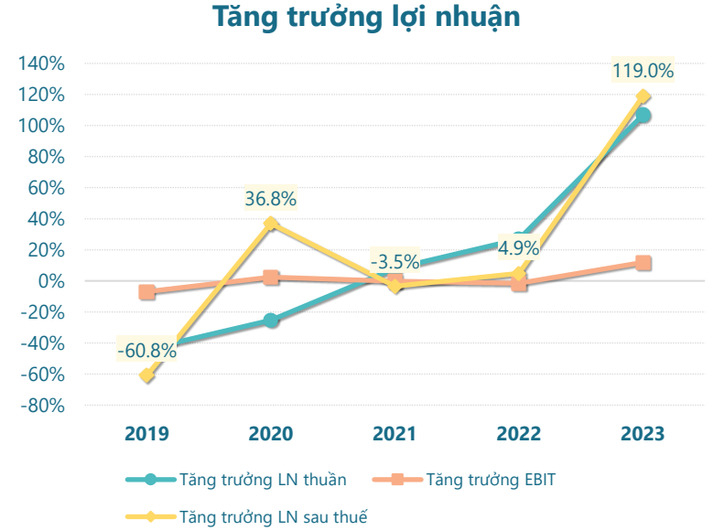
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



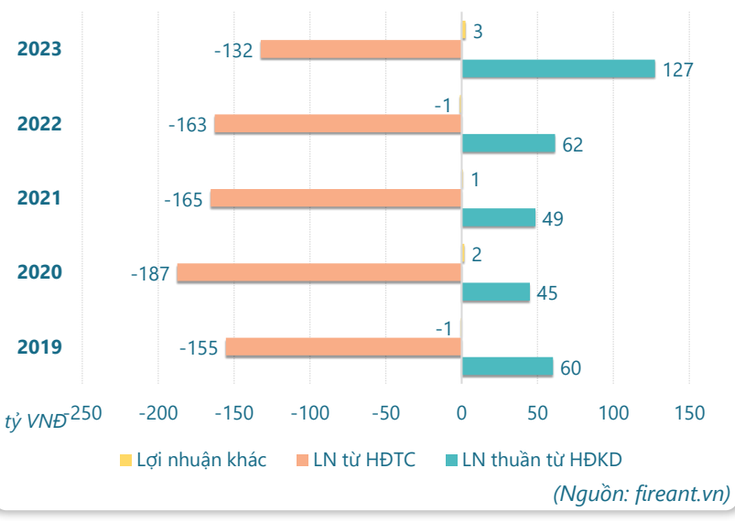
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



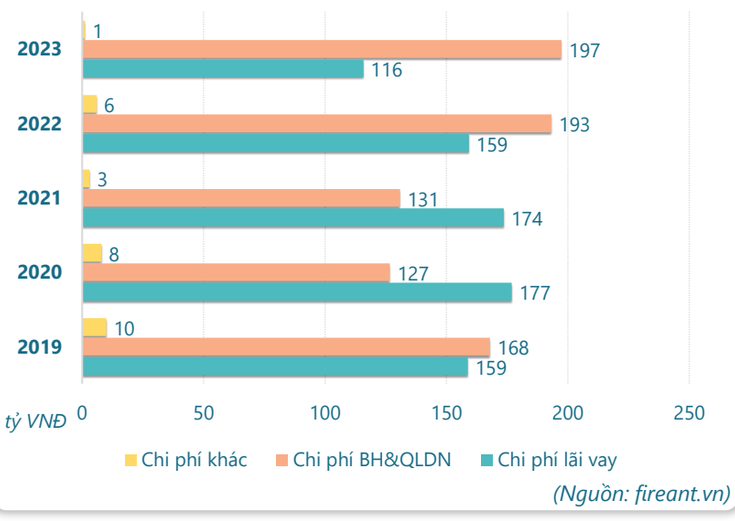
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



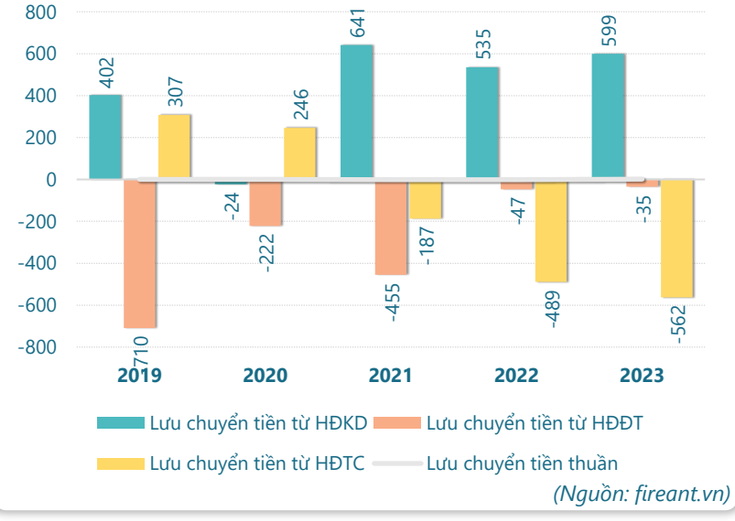
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

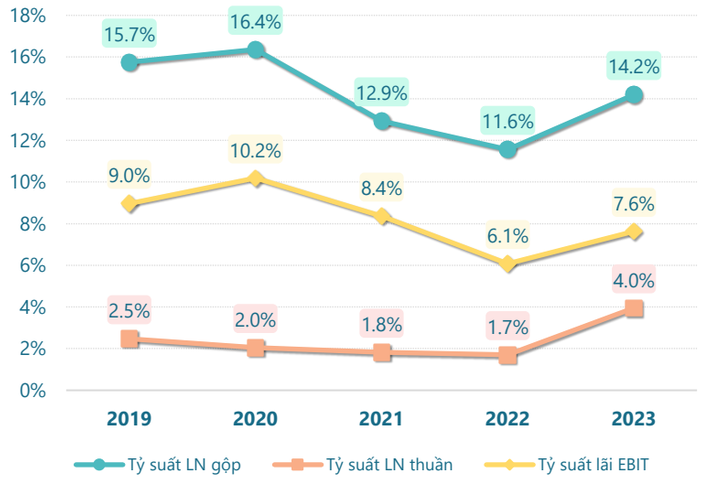


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Than núi Béo - Vinacomin

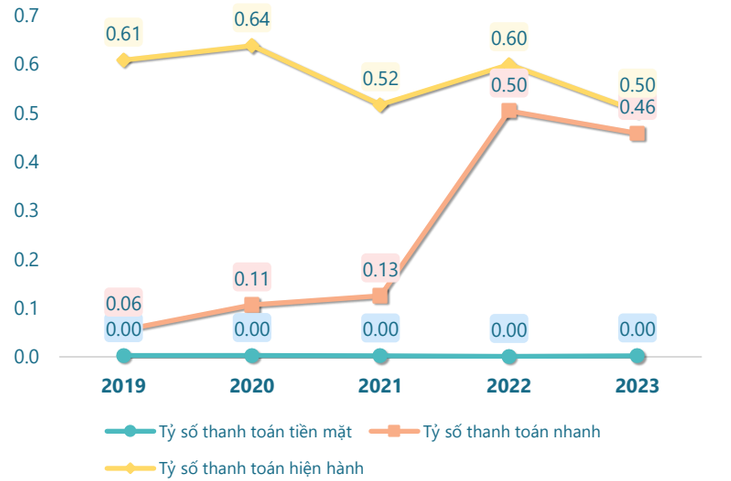
FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận



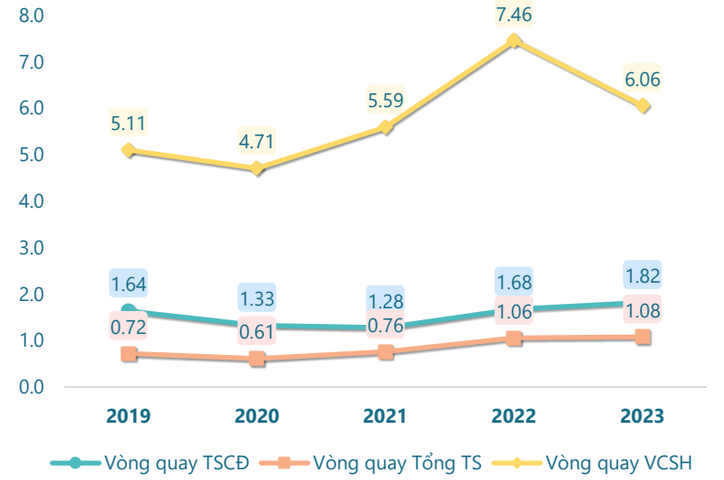
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



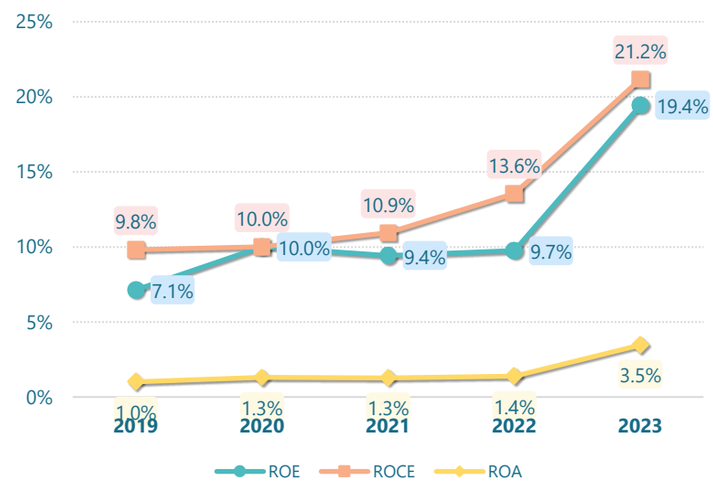
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



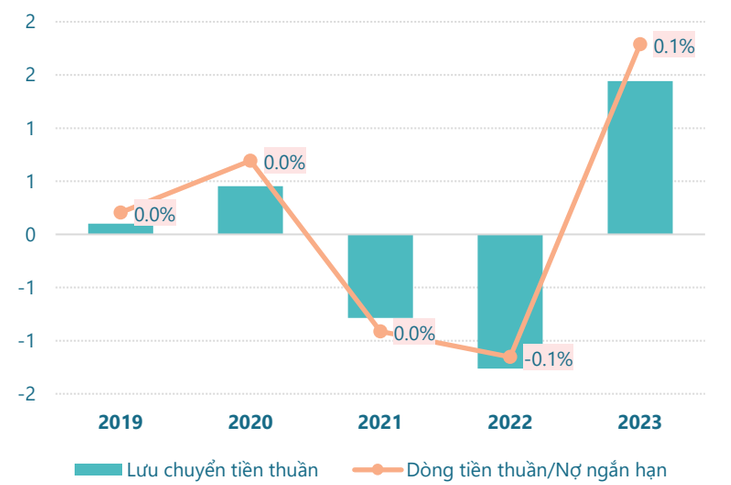
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



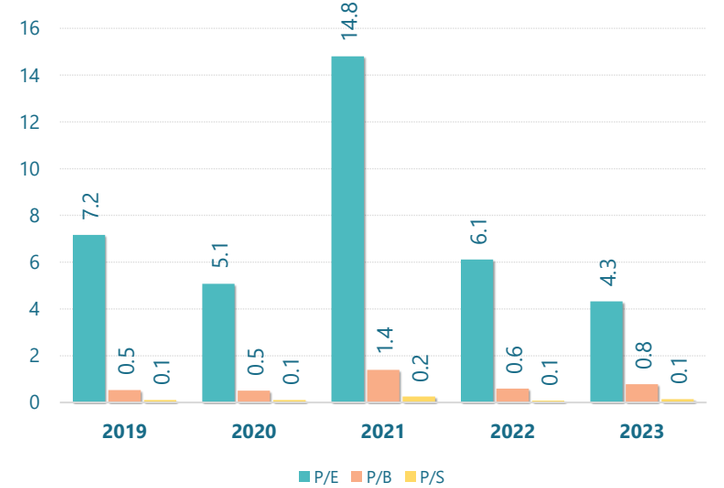
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)